



Số:
V/v tổng hợp các chính sách hỗ trợ
doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi
dịch Covid-19

Đồng Nai, ngày tháng năm

g Nai, ngày

tháng

năm

Kính gửi:

- Sở Công Thương;
 - Ban Quản lý các khu công nghiệp;
 - Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai
 - Cục Thuế;
 - Cục Hải quan;
 - Các hội, hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp và ảnh hưởng về nhiều mặt đến các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, thời gian qua các ngành, các cấp đã có nhiều chính sách hỗ trợ giảm thiểu khó khăn cho doanh nghiệp, tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư - Thường trực Ban Hành động hỗ trợ doanh nghiệp tổng hợp thông tin về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 (*theo phụ lục đính kèm*), đề nghị các đơn vị triển khai đến các doanh nghiệp.

Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục rà soát, cập nhật thông tin về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đến các đơn vị để triển khai đến các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trân trọng./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Noi nhâñ:

- Nhu trén;
 - Văn phòng Sở (Đăng website);
 - Lưu: VT, QLN.

Trần Vũ Hoài Hạnh

PHỤ LỤC

I. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH:

1. Tên chính sách hỗ trợ: Chính sách tín dụng hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a. Hình thức, nội dung hỗ trợ:

- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
- Miễn, giảm lãi, phí.
- Giữ nguyên nhóm nợ và phân loại nợ.

b. Đối tượng áp dụng:

- Tổ chức tín dụng (không bao gồm ngân hàng chính sách), chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ khách hàng là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

c. Điều kiện áp dụng:

Các đối tượng áp dụng đáp ứng quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN và quy định nội bộ về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ và phân loại nợ của tổ chức tín dụng.

d. Thời hạn áp dụng:

Việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí cho khách hàng theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-NHNN thực hiện đến ngày 31/12/2021.

e. Mức hỗ trợ:

- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-NHNN.

- Miễn, giảm lãi, phí theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-NHNN.

- Giữ nguyên nhóm nợ và phân loại nợ theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-NHNN.

g. Trình tự, thủ tục đăng ký nhận hỗ trợ:

Theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN và quy định nội bộ về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ và phân loại nợ của tổ chức tín dụng.

h. Số điện thoại đường dây nóng xử lý khó khăn, vướng mắc liên quan đến Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN:

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đồng Nai: số di động 0913.849090 và số máy bàn 02513.824374.

- Số đường dây nóng tại các tổ chức tín dụng.

2. Tên chính sách hỗ trợ: Chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ:

a. Hình thức hỗ trợ:

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện (sau đây gọi chung là NHCSXH nơi cho vay) thực hiện cho vay trực tiếp đến khách hàng.

b. Đối tượng áp dụng:

- Người sử dụng lao động vay vốn để trả lương cho người lao động theo quy định tại khoản 11 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (sau đây gọi chung là khách hàng).

- Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

- Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

c. Điều kiện vay vốn:

Theo quy định tại Điều 38 Chương X Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg. Cụ thể như sau:

1. Đối với khách hàng vay vốn trả lương ngừng việc

a) Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến tháng liền kề trước thời điểm người lao động ngừng việc, phải ngừng việc từ 15 ngày liên tục trở lên theo quy định khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

b) Không có nợ xấu tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm đề nghị vay vốn.

2. Đối với khách hàng vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh

a) Đối với khách hàng phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

- Phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

- Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến thời điểm đề nghị vay vốn.

- Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh.

- Không có nợ xấu tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm đề nghị vay vốn.

b) Đối với khách hàng hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để phục hồi sản xuất, kinh doanh

- Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến thời điểm đề nghị vay vốn.

- Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh.

- Không có nợ xấu tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đã hoàn thành quyết toán thuế năm 2020 tại thời điểm đề nghị vay vốn.

d. Thời hạn giải ngân:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Chương X Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg. Cụ thể như sau:

Việc giải ngân của NHCSXH cho người sử dụng lao động đối với các tháng 5, 6, 7 năm 2021 được thực hiện 01 lần; thời hạn giải ngân đến hết ngày 05 tháng 4 năm 2022 hoặc khi giải ngân hết 7.500 tỷ đồng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho vay tái cấp vốn tùy theo điều kiện nào đến trước.

e. Mức cho vay, thời hạn cho vay:

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 39 Chương X Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg. Cụ thể như sau:

- Vay vốn trả lương ngừng việc: Mức cho vay tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng đối với số người lao động theo thời gian trả lương ngừng việc thực tế tối đa 03 tháng; thời hạn vay vốn dưới 12 tháng.

- Vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất: Mức cho vay tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động. Thời gian hưởng chính sách hỗ trợ tối đa 03 tháng; thời hạn vay vốn dưới 12 tháng.

▪ Cụ thể Mức cho vay, thời hạn cho vay theo hướng dẫn cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội như sau:

1. Mức cho vay:

a) Khách hàng được vay vốn một hoặc nhiều lần để trả lương ngừng việc, trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất với thời gian tối đa 03 tháng/người lao động.

b) Việc xác định mức cho vay hằng tháng đối với khách hàng như sau:

$$\text{Mức cho vay tối đa 01 tháng của 01 khách hàng} = \text{Số tiền vay vốn trả lương ngừng việc} + \text{Số tiền vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất}$$

Trong đó:

$$\begin{aligned} \text{Số tiền vay vốn trả lương ngừng việc} &= \text{Mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động bị ngừng việc} \\ &\quad \times \text{Số người lao động bị ngừng việc được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận trong Danh sách Mẫu số 13a ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg} \\ \text{Số tiền vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất} &= \text{Mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động} \\ &\quad \times \text{Số người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận trong Danh sách Mẫu số 13b/13c ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg} \end{aligned}$$

c) Mức tiền lương tối thiểu vùng căn cứ theo quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

2. Thời hạn cho vay:

Thời hạn cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận dưới 12 tháng, kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên.

g. Lãi suất cho vay:

- Lãi suất cho vay: 0%/năm (không phần trăm).
- Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm.

h. Trình tự, thủ tục, hồ sơ vay vốn:

Theo quy định tại Điều 40 Chương X Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

▪ Cụ thể Trình tự, thủ tục, hồ sơ vay vốn theo hướng dẫn cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội như sau:

1. Quy trình cho vay

1.1 Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ quy định tại mục 2. **Hồ sơ vay vốn** bên dưới do khách hàng cung cấp, lập Thông báo tiếp nhận hồ sơ vay vốn (Mẫu số 01/CVTL) trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

1.2. Trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng, cán bộ được phân công thực hiện các công việc sau:

a) Tra cứu thông tin tín dụng của khách hàng trên hệ thống thông tin tín dụng Quốc gia (CIC) để xác định tình trạng nợ xấu của khách hàng; in kết quả tra cứu thông tin kèm theo hồ sơ vay vốn.

b) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn.

c) Trình phê duyệt cho vay:

- Trường hợp hồ sơ vay vốn đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ và khách hàng không có nợ xấu theo quy định, lập Tờ trình phê duyệt cho vay (Mẫu số 02/CVTL) trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ để trình Giám đốc xem xét, phê duyệt. Đồng thời, lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 03/CVTL) gửi khách hàng.

- Trường hợp khách hàng không đủ điều kiện phê duyệt cho vay, lập Thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 04/CVTL), ghi rõ lý do từ chối trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

1.3. Căn cứ kết quả phê duyệt cho vay, cán bộ được phân công cùng khách hàng thỏa thuận, lập Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng (Mẫu số 05/CVTL, 05PL/CVTL):

a) Hợp đồng tín dụng được lập một lần với khách hàng vay vốn lần đầu và lập Phụ lục hợp đồng tín dụng cho các lần vay vốn tiếp theo (nếu có).

b) Trường hợp khách hàng có nhu cầu mở tài khoản tại NHCSXH để phục vụ cho việc giải ngân, thu nợ, thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 1155/NHCS-KTTC ngày 07/4/2017 của Tổng Giám đốc. Khi mở tài khoản, NHCSXH nơi cho vay thỏa thuận với khách hàng về việc NHCSXH được chủ động trích số dư trong tài khoản này để thu nợ gốc, thu lãi quá hạn (nếu có).

2. Hồ sơ vay vốn

2.1. Khách hàng tự kê khai, lập danh sách, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với số lao động ngừng việc, số lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và các thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp cho NHCSXH nơi cho vay.

2.2. Đối với khách hàng vay vốn trả lương ngừng việc

2.2.1. Hồ sơ vay vốn lần đầu gồm:

a) Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 12a ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

b) Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 13a ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

- Chứng minh nhân dân/The cản cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

- Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

đ) Văn bản thỏa thuận ngừng việc giữa người sử dụng lao động với người lao động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

2.2.2. Hồ sơ vay vốn các lần tiếp theo gồm:

- Các hồ sơ nêu tại tiết a, b, đ điểm 2.2.1 mục 2. **Hồ sơ vay vốn** này.

- Bổ sung hồ sơ nêu tại tiết c, d điểm 2.2.1 mục 2. **Hồ sơ vay vốn** nếu có thay đổi so với hồ sơ vay vốn lần đầu.

2.3. Đối với khách hàng vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh

2.3.1. Hồ sơ vay vốn lần đầu gồm:

a) Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 12b ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đối với khách hàng phải tạm dừng hoạt động, Mẫu số 12c ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đối với khách hàng hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 13b/13c ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

c) Phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh.

d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

- Chứng minh nhân dân/The cản cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

- Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

e) Bản sao văn bản về việc người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022 (đối với khách hàng phải tạm dừng hoạt động).

g) Bản sao thông báo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 của cơ quan thuế đối với người sử dụng lao động (đối với khách hàng hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng).

2.3.2. Hồ sơ vay vốn các lần tiếp theo gồm:

- Các hồ sơ nêu tại tiết a, b điểm 2.3.1 mục 2. **Hồ sơ vay vốn** này.

- Bổ sung hồ sơ nêu tại tiết c, d, đ, e điểm 2.3.1 mục 2. **Hồ sơ vay vốn** này nếu có thay đổi so với hồ sơ vay vốn lần đầu.

2.4. Thời gian nhận hồ sơ đề nghị vay vốn của khách hàng chậm nhất đến hết ngày 25 tháng 3 năm 2022.

i. Số điện thoại đường dây nóng liên lạc:

- Chi nhánh NHCSXH tỉnh Đồng Nai

Ông Bùi Viễn Cao Thương – Phó TP Kế hoạch – nghiệp vụ tín dụng.

Điện thoại: 02518.823 075 - Di động: 0907.773 266.

- Phòng giao dịch NHCSXH huyện Long Thành

Ông Trần Thanh Trường – Giám đốc

Điện thoại: 02513.544 325 - Di động: 0913.835 387.

- Phòng giao dịch NHCSXH huyện Trảng Bom

Bà Phạm Thị Huệ Quyên – Giám đốc

Điện thoại: 02513.866 580 - Di động: 0919.426 241.

- Phòng giao dịch NHCSXH thành phố Long Khánh

Ông Nguyễn Trung Thành – Giám đốc

Điện thoại: 02513.870 672 - Di động: 0937.024 641.

- Phòng giao dịch NHCSXH huyện Xuân Lộc

Ông Ngô Mạnh Chính – Giám đốc

Điện thoại: 02513.744 289 - Di động: 0903.365 707.

- Phòng giao dịch NHCSXH huyện Định Quán

Ông Nguyễn Thanh Vũ – Giám đốc

Điện thoại: 02513.613 105 - Di động: 0919.472 393.

- Phòng giao dịch NHCSXH huyện Vĩnh Cửu

Ông Vũ Văn Hồng – Giám đốc

Điện thoại: 02513.861 174 - Di động: 0903.309 684.

- Phòng giao dịch NHCSXH huyện Tân Phú

Bà Trần Thị Tuyết – Phó Giám đốc

Điện thoại: 02513.697 702 - Di động: 0913.501 070.

- Phòng giao dịch NHCSXH huyện Thông Nhất

Ông Trần Đức Tiến – Giám đốc

Điện thoại: 02513.770 675 - Di động: 0906.678 169.

- Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cẩm Mỹ

Ông Võ Văn Song – Giám đốc

Điện thoại: 02513.798 728 - Di động: 0983.303 879.

- Phòng giao dịch NHCSXH huyện Nhơn Trạch

Ông Nguyễn Tân Đạt – Giám đốc

Điện thoại: 02513.521897 - Di động: 0948.390169.

3. Hỗ trợ tài chính đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a) Đối tượng hỗ trợ: DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, DNNW tham gia chuỗi giá trị

b) Mức cho vay tối đa: Tối đa không quá 80% tổng mức vốn đầu tư của từng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh.

c) Mục đích vay vốn: Đầu tư thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh.

d) Thời hạn vay vốn tối đa: Tối đa không quá 07 năm.

d) Thời gian ân hạn: Thời gian ân hạn cho một dự án (vay vốn trung và dài hạn) tối đa là 02 năm.

e) Lãi suất cho vay cố định hoặc có thể giảm trong suốt thời hạn vay vốn:

- Lãi suất cho vay vốn ngắn hạn: 2,16%/năm.

- Lãi suất cho vay vốn trung hạn: 4,0%/năm.
- Lãi suất cho vay vốn dài hạn: 4,0%/năm.

g) Phương thức trả nợ: Đa dạng, phù hợp với dòng tiền của DNNVV.

h) Trả nợ trước hạn: DNNVV được chủ động trả nợ trước hạn và không chịu bất cứ khoản tiền hay phí phạt trả nợ trước hạn.

i) Điều kiện cho vay:

- *Đối với DNNVV khởi nghiệp sáng tạo:*
 - + Có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh (SXKD) khả thi;
 - + Đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu tham gia dự án, phương án SXKD tối thiểu 20% tổng vốn đầu tư để thực hiện dự án, phương án SXKD và phải đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện dự án, phương án SXKD;
 - + Đáp ứng các quy định về bảo đảm tiền vay quy định pháp luật có liên quan.
- *Đối với DNNVV tham gia cụm liên kết ngành:*
 - + Có dự án, phương án SXKD khả thi, nằm trong khu vực địa lý của cụm liên kết ngành và có hợp đồng hợp tác, kinh doanh với doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành hoặc cùng xây dựng, sử dụng thương hiệu vùng;
 - + Đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu tham gia dự án, phương án SXKD tối thiểu 20% tổng vốn đầu tư để thực hiện dự án, phương án SXKD và phải đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện dự án, phương án SXKD.
 - + Đáp ứng các quy định về bảo đảm tiền vay quy định pháp luật có liên quan.
- *Đối với DNNVV tham gia chuỗi giá trị:*
 - + Có dự án, phương án SXKD khả thi, được triển khai để trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm của chuỗi giá trị hoặc có hợp đồng hợp tác, kinh doanh với doanh nghiệp trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm của chuỗi giá trị;
 - + Đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu tham gia dự án, phương án SXKD tối thiểu 20% tổng vốn đầu tư để thực hiện dự án, phương án SXKD và phải đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện dự án, phương án SXKD;
 - + Đáp ứng các quy định về bảo đảm tiền vay quy định pháp luật có liên quan.

I) Thông tin liên lạc:

- Quỹ Phát triển DNNW (Phòng Hỗ trợ doanh nghiệp), số 6B Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội.
 - Điện thoại: 024.37957855/024.37957897 (Số máy lẻ 379) hoặc số hotline: 0867970880.
 - Email: smedf@mpi.gov.vn.
 - Website: <http://phattriendnnvv.mpi.gov.vn>

II. LĨNH VỰC BẢO HIỂM

1. Chính sách giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (TNLĐ, BNN)

a) Đối tượng áp dụng: Người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) vào Quỹ bảo hiểm TNLĐ, BNN cho người lao động thuộc đối tượng áp dụng chế độ bảo hiểm TNLĐ, BNN theo quy định tại Điều 43 Luật An toàn, Vệ sinh lao động (trừ cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, người lao động trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được hưởng lương từ ngân sách nhà nước).

b) Mức đóng: bằng 0% trên quỹ tiền lương đóng BHXH của người lao động vào Quỹ bảo hiểm TNLĐ, BNN.

c) Thời gian áp dụng chính sách này: Kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/6/2022.

d) Mức hỗ trợ: Người sử dụng lao động dành toàn bộ số tiền có được từ việc giảm đóng Quỹ BHTNLD, BNN hỗ trợ cho người lao động gặp khó khăn do COVID-19.

2. Chính sách tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất

a) Đối tượng áp dụng: Người sử dụng lao động đã đóng đủ BHXH hoặc đang tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất đến hết tháng 4 năm 2021 mà bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 dẫn đến phải giảm từ 15% số lao động tham gia bảo hiểm xã hội trở lên tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị so với tháng 4 năm 2021. Số lao động tham gia BHXH tính giảm bao gồm:

- Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật trừ đi số lao động mới giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 01/5/2021 đến ngày người sử dụng lao động có văn bản đề nghị.

- Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động mà thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.

- Số lao động đang nghỉ việc không hưởng tiền lương mà thời gian nghỉ việc không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.

- Số lao động đang ngừng việc mà thời gian ngừng việc từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.

Số lao động tham gia BHXH tính giảm nêu trên chỉ bao gồm người làm việc theo hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương; không bao gồm người lao động nghỉ việc hưởng lương hưu từ ngày 01/5/2021.

b) Thời gian áp dụng chính sách này: 06 tháng kể từ tháng đơn vị đề nghị.

c) Hồ sơ, thủ tục: Đơn vị đủ điều kiện tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử

tuất thì thực hiện lập Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg gửi cơ quan BHXH nơi đang quản lý thu BHXH thông qua giao dịch điện tử hoặc Cổng Dịch vụ công của BHXH Việt Nam, Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

3. Chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Người sử dụng lao động thuộc các trường hợp sau thì được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp (BHTN):

- Đóng đủ BHTN cho người lao động thuộc đối tượng tham gia BHTN từ đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

- Phải thay đổi cơ cấu, công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động.

- Có doanh thu của quý liền kề trước thời điểm đề nghị hỗ trợ giảm từ 10% trở lên so với doanh thu cùng kỳ năm 2019 hoặc năm 2020.

- Có phương án hoặc phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

b) Mức hỗ trợ: Tối đa 1.500.000 đồng/người lao động/tháng, được tính theo thời gian học thực tế của từng nghề hoặc từng khóa học.

Trường hợp khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề có những ngày lẻ không đủ tháng thì được tính theo nguyên tắc: Dưới 15 ngày tính là 1/2 tháng, từ đủ 15 ngày trở lên tính là 01 tháng để xác định mức hỗ trợ.

c) Thời gian hỗ trợ: Tối đa 06 tháng.

d) Xác nhận Danh sách người lao động tham gia đào tạo.

Trường hợp người lao động đủ điều kiện được hỗ trợ theo quy định tại điểm a mục 3 nêu trên thì lập Danh sách người lao động tham gia đào tạo (Phụ lục I của Mẫu số 02) ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg gửi cơ quan BHXH nơi đang quản lý thu BHXH thông qua giao dịch điện tử hoặc Cổng Dịch vụ công của BHXH Việt Nam, Cổng Dịch vụ công Quốc gia

e) Chuyển kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng lao động

Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển đến, cơ quan BHXH thực hiện chuyển một lần toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng lao động.

4. Xác nhận Danh sách đơn vị, người lao động tham gia BHXH, BHTN để hưởng một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

4.1. Xác nhận Danh sách người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động,

nghỉ việc không hưởng lương.

Nếu người lao động đủ điều kiện được hỗ trợ theo quy định tại Điều 13 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì Đơn vị lập Mẫu số 05 (*Danh sách người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương*) gửi cơ quan BHXH.

4.2. Xác nhận Danh sách người lao động ngừng việc.

Nếu người lao động đủ điều kiện được hỗ trợ theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì Đơn vị lập Mẫu số 06 (*Danh sách người lao động ngừng việc*) gửi cơ quan BHXH.

4.2. Xác nhận danh sách lao động để người sử dụng lao động vay vốn trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất.

Nếu người sử dụng lao động đủ điều kiện được hỗ trợ vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo quy định tại Điều 38 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì lập Mẫu số 13a (*Danh sách người lao động bị ngừng việc do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19*); Mẫu 13b (*Danh sách người lao động được người sử dụng lao động để nghỉ vay vốn để trả lương phục hồi sản xuất*); Mẫu 13c (*Danh sách người lao động được người sử dụng lao động để nghỉ vay vốn để trả lương phục hồi sản xuất*) gửi cơ quan BHXH.

III. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

Tên chính sách hỗ trợ: Hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (Đợt 3 - đang thực hiện):

a) Hình thức hỗ trợ: Giảm giá điện, giảm tiền điện

b) Đối tượng, điều kiện áp dụng:

+ Cơ sở lưu trú du lịch.

+ Cơ sở phục vụ phòng chống dịch bệnh Covid-19 không thu phí

c) Thời hạn áp dụng: Từ tháng 06/2021 đến tháng 12/2021 (07 tháng)

d) Mức hỗ trợ: Thực hiện theo văn bản số 3163/BCT-ĐTDL ngày 03/6/2021 của Bộ Công Thương.

d) Trình tự thủ tục đăng ký nhận hỗ trợ: Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai theo dõi, thông báo và thực hiện việc giảm tiền điện, giảm giá điện trực tiếp.

e) Đường dây nóng liên lạc: 0251.2220000

IV. LĨNH VỰC Y TẾ

Tên chính sách hỗ trợ: Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

a) Hình thức: Giảm mức thu phí trong lĩnh vực Y tế.

b) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực Y tế (có thu phí).

c) Thời hạn áp dụng: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

d) Mức hỗ trợ: Bằng 70% mức thu phí quy định tại Điều 1 Thông tư số 11/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế; và bằng 70% mức thu phí quy định tại Mục II; Mục III; các điểm 2, điểm 3, điểm 5, điểm 6, điểm 7, điểm 8, điểm 9 Mục IV; Mục V Biểu mức thu phí trong lĩnh vực y tế ban hành kèm theo Thông tư số 278/2016/TT-BTC.

d) Trình tự thủ tục đăng ký nhận hỗ trợ: Nộp hồ sơ theo cơ chế một cửa tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

e) Đường dây nóng liên lạc: 0251.1022

V. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG

Tên chính sách hỗ trợ: Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động

a) Hình thức hỗ trợ: Chi trả trực tiếp cho người sử dụng lao động theo phương án hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề được phê duyệt.

b) Đối tượng, điều kiện áp dụng:

Người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Việc làm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trong thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022 được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

+ Đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

+ Phải thay đổi cơ cấu, công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động.

+ Có doanh thu của quý liền kề trước thời điểm đề nghị hỗ trợ giảm từ 10% trở lên so với doanh thu cùng kỳ năm 2019 hoặc năm 2020.

+ Có phương án hoặc phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Thời hạn áp dụng: Từ 01/7/2021 đến 31/12/2021.

d) Mức hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề tối đa 1.500.000 đồng/người lao động/tháng. Mức hỗ trợ cụ thể được tính theo thời gian học thực tế của từng nghề hoặc từng khóa học. Trường hợp khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề có những ngày lễ không đủ tháng thì được tính theo nguyên tắc: Dưới 15 ngày tính là 1/2 tháng, từ đủ 15 ngày trở lên tính là 01 tháng để xác định mức hỗ trợ.

Đối với khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề có mức chi phí cao hơn mức hỗ trợ theo quy định tại khoản này thì phần vượt quá mức hỗ trợ do người sử dụng lao động tự chi trả.

d) Trình tự, thủ tục đăng ký:

+ Người sử dụng lao động có nhu cầu hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội nơi đang tham gia bảo hiểm xã hội xác nhận về việc đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Quyết định này. Cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người sử dụng lao động.

+ Người sử dụng lao động nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Quyết định này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đặt trụ sở chính.

+ Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người sử dụng lao động theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định việc hỗ trợ theo Mẫu số 04a tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Quyết định hỗ trợ gửi bản giấy và bản điện tử theo quy định đến: Cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh để thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ, người sử dụng lao động để thực hiện, cơ sở thực hiện việc đào tạo. Trường hợp không hỗ trợ thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định hỗ trợ của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh chuyển một lần toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng lao động.

+ Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ, người sử dụng lao động thực hiện việc chuyển kinh phí cho cơ sở thực hiện việc đào tạo theo phương án đã được phê duyệt.

+ Trong 45 ngày kể từ ngày kết thúc việc đào tạo, người sử dụng lao động phải hoàn thành việc thanh quyết toán kinh phí với cơ sở thực hiện việc đào tạo theo thực tế và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện của người sử dụng lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định thu hồi kinh phí đào tạo còn dư (nếu có) gửi cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh và người sử dụng lao động để thực hiện hoàn trả kinh phí về Quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo Mẫu số 04b tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

VI. LĨNH VỰC DU LỊCH:

Tên chính sách hỗ trợ: hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch.

a. Hình thức hỗ trợ: Chi trả 01 lần cho các hướng dẫn viên (Mức hỗ trợ: 3.710.000đ/người).

b. Đối tượng, điều kiện áp dụng:

- Có Thẻ hướng dẫn viên du lịch do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai cấp, còn hạn sử dụng.

- Có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành (doanh nghiệp đã được cấp phép kinh doanh lữ hành nội địa/quốc tế) hoặc có hợp đồng lao động với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Hướng dẫn viên du lịch hoặc là hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về Hướng dẫn viên du lịch

c. Thời hạn áp dụng: Thời hạn nộp hồ sơ đến hết ngày 31/01/2022.

d. Trình tự, thủ tục đăng ký nhận hỗ trợ bao gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu quy định.

- Bản sao Thẻ hướng dẫn viên (không bắt buộc).

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ sau:

+ Hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn viên du lịch có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm nộp hồ sơ.

+ Thẻ hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn viên du lịch.

đ. Nơi tiếp nhận hồ sơ: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai; địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Tri, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (*trực tiếp hoặc qua Bưu điện*).

- Đường dây nóng liên lạc: Điện thoại 0912.737.509 (Đặng Thị Hằng).